

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 31-01-2024

“V/v tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Thẩm phán: Ông Lê Vũ Tiến.

Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Bằng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 149/2023/HNGĐ-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐ-PT ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ngọc U, sinh năm 1990; địa chỉ: số D đường B, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Phước M, sinh năm 1982; địa chỉ: số G đường N, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn là anh Dương Phước M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 07 năm 2023, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc U trình bày:

Chị và anh Dương Phước M đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 218/2023/QĐST- HNGĐ ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại phần con chung, Tòa án đã giao cháu Dương Đặng Y K, sinh ngày 30/9/2019 cho anh

Dương Phước M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Để được ly hôn nhanh chóng nên chị **U** đã đồng ý. Sau khi ly hôn chị **U** đã giao cháu **K** cho anh **M** nuôi dưỡng theo thỏa thuận, nhưng cháu **K** từ trước tới giờ không thường xuyên tiếp xúc với gia đình bên nội, không phù hợp với môi trường sống bên nội, nên thường xuyên đau ốm, sút cân, có dấu hiệu rối loạn cảm xúc vì nhớ mẹ, ngoài ra trong quá trình chăm sóc con anh **M** thường xuyên cản trở không cho chị **U** thăm con. Khi tình cờ phát hiện con chị **U** bị nhốt ở phòng một mình chị **U** lập tức về nhà anh **M** để xin gặp con nhưng gia đình anh **M** khóa cửa và đe dọa đánh chị **U**, không cho chị **U** gặp con. Sau đó **Công an phường G, thành phố H** đến giải quyết vấn đề chị **U** mới được nhìn thấy con mình. Đến ngày đón con theo thỏa thuận ly hôn nhận thấy con có dấu hiệu bất thường về tâm lý, nên chị **U** đã đưa cháu đi khám tại **Bệnh viện T** và bác sĩ chẩn đoán con chị **U** có dấu hiệu tăng động, giảm chú ý.

Do con chị **U** còn quá nhỏ nên mỗi lần đón cháu để chăm sóc, hai mẹ con đều khóc vì nhớ, mỗi tuần đến thứ 2 lúc phải đưa con đi học cháu đều khóc và năn nỉ mẹ đừng đưa đi học vì cháu biết đi học là sẽ về nhà ở với ba, nhiều lần cháu xin cho bé ở với mẹ, chị **U** ân hận về quyết định sai lầm của mình, nhìn cháu từ một em bé năng động vui vẻ nay lại sợ sệt mọi thứ chị **U** rất đau lòng, bởi vì cháu là con gái lại còn quá nhỏ không thể sống xa mẹ trong điều kiện gia đình bên nội ít quan tâm, chăm sóc như thế nên chị **U** tha thiết xin Tòa án cho chị có thể được trực tiếp nuôi con, chị **U** làm nghề hướng dẫn viên du lịch 1 tháng thu nhập của chị **U** là 25.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị **U** còn kinh doanh thêm một shop đồ **G** thu nhập thêm khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng mỗi tháng. Hiện nay tổng thu nhập của chị **U** mỗi tháng là 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và chị có nhà tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại **D B, phường P, thành phố H** và xe ô tô để hàng ngày đưa cháu **K** đến trường, chị hoàn toàn đảm bảo điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Dương Đặng Y K**. Chị **U** là phụ nữ, gia đình tan vỡ là nỗi đau, mất mát to lớn, thua thiệt, vì vậy con cái là lẽ sống, động lực sống, niềm vui của người phụ nữ, cháu **Dương Đặng Y K** được chị **U** nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển tốt về thể chất và tinh thần, hiện nay cháu **K** đang ở với anh **M** cháu luôn đau ốm, mặt khác, chị cũng tha thiết được nuôi dạy, bảo ban cháu **K** là nguyện vọng của chị. Nay, chị **Đặng Thị Ngọc U** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, buộc anh **M** phải giao cháu **Dương Đặng Y K**, sinh ngày 30/9/2019 cho chị **U** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến trưởng thành và chị **U** không yêu cầu anh **M** cấp dưỡng tiền nuôi con.

*Tại bản tự khai ngày 07/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh **Dương Phước M** trình bày:*

Anh và chị **Đặng Thị Ngọc U** đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 218/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo Quyết định thuận tình ly hôn thì Tòa án giao cháu **Dương Đặng Y K**, sinh ngày 30/9/2019 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh vẫn đảm bảo nuôi con tốt nhưng chị **U** vẫn muốn kiện để dành lại quyền nuôi con.

Nay chị **Đặng Thị Ngọc U** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, buộc anh phải giao cháu **Dương Đặng Y K**, sinh ngày 30/9/2019 cho chị **U** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh không đồng ý, vì không có lý do chính đáng làm ảnh hưởng công việc làm ăn của anh, vậy kính xin Tòa án xem xét giải quyết phù hợp. Nếu có đủ bằng chứng từ nhiều phía về việc nuôi con không tốt thì anh xin trao lại con theo pháp luật.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 149/2023/HNGĐ-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị Ngọc U**, buộc anh **Dương Phước M** phải giao cháu **Dương Đặng Y K**, sinh ngày 30/9/2019 cho chị **Đặng Thị Ngọc U** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến lúc cháu **Dương Đặng Y K** trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Dương Phước M** không cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các bên đương sự.

Ngày 23/10/2023, bị đơn là anh **Dương Phước M** có đơn kháng cáo một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 149/2023/HNGĐ-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh **Dương Phước M** được nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Tòa án nhân dân thành phố Huế đã xét xử tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 149/2023/HNGĐ-ST ngày 16/10/2023 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Đặng Thị Ngọc U** là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; để xét xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn

anh **Dương Phước M**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 149/2023/HNGĐ-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Về án phí phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh **Dương Phước M** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị **Đặng Thị Ngọc U** khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với anh **Dương Phước M**. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” là đúng pháp luật.

[1.2]. Về thẩm quyền: Các đương sự tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[1.3]. Tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh **Dương Phước M** có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đưa ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn anh **Dương Phước M**:

[2.1]. Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị **Đặng Thị Ngọc U** và anh **Dương Phước M** đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 218/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã công nhận sự thỏa thuận của **Đặng Thị Ngọc U** và anh **Dương Phước M** như sau: Về con **Dương Đặng Y K**, sinh ngày 30/9/2019 cho anh **Dương P** chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Theo các tài liệu, chứng cứ ở giai đoạn sơ thẩm, anh **M** hiện làm nghề lái xe Taxi, không thường xuyên trực tiếp chăm sóc con, nên việc chăm sóc con chủ yếu phải nhờ bố mẹ đẻ của anh **M**. Tại “Đơn thuốc” ngày 09/6/2023 và 04/7/2023 của **Bệnh viện T** chẩn đoán cháu **Dương Đặng Y K** “Theo dõi rối loạn tăng động, giảm chú ý; rối loạn lo âu”; với các khuyến cáo: “*Đưa cháu ra ngoài chơi cho cháu vận động thể chất, dành thời gian trò chuyện với cháu. Lập thời khóa biểu về các hoạt động hàng ngày như ăn, ngủ, sinh hoạt, vui chơi của cháu và thực hiện theo thời khóa biểu này. Hạn chế thời gian sử dụng điện thoại, xem Ti vi (mỗi lần không quá 15 phút, mỗi ngày không quá 90 phút). Tạo môi trường an toàn về tâm lý cho cháu*”. Và: “*Cần quan tâm đến cảm xúc của trẻ, cho trẻ ở với*

mẹ để có cảm giác an toàn”. Mặt khác, trong thời gian ở với anh **M** cân nặng của cháu **K** bị giảm bất thường từ hơn 16 kg chỉ còn 14kg và có biểu hiện lo sợ, hay đau ốm. Tinh thần của cháu thường hoảng loạn. Theo các tài liệu, chứng cứ mà chị **U1** đưa ra, cũng như chẩn đoán về y học của Bác sĩ đã được Tòa án nhân dân thành phố Huế đánh giá, có cơ sở để khẳng định anh **M** thiếu sự quan tâm và chăm sóc cháu **K** đầy đủ về mọi mặt. Mặt khác, anh **Dương Phước M** không chứng minh được thu nhập của mình, theo biên bản lấy lời khai bố mẹ anh **M** ngày 20/9/2023 thì thu nhập 1 tháng của anh **M** khoảng 10.000.000 đồng. Các tài liệu anh **M** cung cấp và trình bày tại phiên tòa cho thấy anh **M** chưa có nhà ở ổn định độc lập, đang ở nhà của bố mẹ anh cùng với cháu **K** và người anh trai.

Căn cứ các điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu **K** của chị **U1** thông qua các tài liệu: Giấy cam kết và có xác nhận của chính quyền địa phương phường Thủy Biều ngày 07/9/2023 thì chị **Đặng Thị Ngọc U** có cửa hàng kinh doanh gốm sứ tại địa chỉ **D B, phường T, thành phố H** do chị **U** làm chủ sở hữu, thu nhập ổn định, có nhà ở riêng độc lập. Việc nuôi dưỡng cháu **K** của chị **U** sẽ đảm bảo tốt về điều kiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần; phù hợp với tâm lý lứa tuổi và giới tính. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giao cháu **K** cho chị **U** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh **Dương Phước M**, như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình nuôi dưỡng nếu chị **U** nuôi con không đảm bảo, cháu **K** có nguyện vọng muốn được ở với anh **M** thì anh **M** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh **Dương Phước M** có quyền đi lại thăm non con chung mà không ai được cản trở.

[2]. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh **Dương Phước M** phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: khoản 3 Điều 28, Điều 37, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh **Dương Phước M**, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 149/2023/HNGĐ-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị Ngọc U**, buộc anh **Dương Phước M** phải giao cháu **Dương Đặng Y K**, sinh ngày 30/9/2019 cho chị **Đặng Thị Ngọc U** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **Dương Đặng Y K** trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Dương Đặng Y K** chị **Đặng Thị Ngọc U** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Anh **Dương Phước M** có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh **Dương Phước M** phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001183 ngày 30/10/202 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh **M** đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế, tỉnh TT Huế;
- TAND thành phố Huế, tỉnh TT Huế;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự; Tổ hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú